

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá bán nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022 do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bình Định cung cấp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;*

*Căn cứ Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 11/08/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý giá và điều tiết giá trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Kết luận số 99-KL/TU ngày 16/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án giá bán nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 778/TTr-STC ngày 28/12/2021 và Công văn số 811/STC-DNTH ngày 29/3/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá bán nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022 do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định cung cấp như sau:

1. Giá bán lẻ nước sạch:

STT	Đối tượng sử dụng nước	Giá nước (đồng/m <sup>3</sup> )
<b>A</b>	<b>Thành phố Quy Nhơn</b>	
1	Hộ dân cư	
	- Hộ nghèo sử dụng dưới 20m <sup>3</sup> /hộ/tháng	6.300
	- Hộ gia đình khác sử dụng dưới 20m <sup>3</sup> /hộ/tháng	10.700

<b>STT</b>	<b>Đối tượng sử dụng nước</b>	<b>Giá nước (đồng/m<sup>3</sup>)</b>
	- Trường hợp hộ gia đình sử dụng từ mét khối thứ 20m <sup>3</sup> /hộ/tháng trở lên (bao gồm cả hộ nghèo)	12.700
2	Cơ quan hành chính sự nghiệp	13.900
3	Hoạt động sản xuất	15.800
4	Kinh doanh dịch vụ	17.100
<b>B</b>	<b>Khu vực 9 thị trấn</b>	
1	Hộ dân cư	
	- Hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng dưới 20m <sup>3</sup> /hộ/tháng	4.900
	- Hộ gia đình khác sử dụng dưới 20m <sup>3</sup> /hộ/tháng	8.200
	- Trường hợp hộ gia đình sử dụng từ mét khối thứ 20m <sup>3</sup> /hộ/tháng trở lên (bao gồm cả hộ nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số)	9.900
2	Cơ quan hành chính sự nghiệp	13.900
3	Hoạt động sản xuất	14.300
4	Kinh doanh dịch vụ	14.300

2. Giá bán buôn qua đồng hồ tổng:

<b>STT</b>	<b>Đối tượng sử dụng nước</b>	<b>Giá nước (đồng/m<sup>3</sup>)</b>
<b>1</b>	<b>Thành phố Quy Nhơn</b>	
-	Khu công nghiệp Becamex	8.500
-	Khu công nghiệp	12.100
-	Khu vực nông thôn	7.000
<b>2</b>	<b>Khu vực 9 thị trấn</b>	7.000

3. Giá nước quy định tại điểm 1, điểm 2 nêu trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng.

4. Thời điểm áp dụng giá nước sạch nêu trên kể từ ngày 01/4/2022.

**Điều 2.** Căn cứ giá bán nước sạch được quy định tại Điều 1 Quyết định này, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định có trách nhiệm thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để khách hàng là các tổ chức, cá nhân sử dụng nước được biết và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế: Quyết định số 4225/QĐ-UBND ngày 17/12/2014, Công văn số 298/UBND-KT ngày 14/01/2022, Công văn số 853/UBND-KT ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BQK KKT tỉnh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K10, K14, K17

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**